

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG HIV TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC HOÀN CÁT

TRẦN KIM PHỤNG

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ trong phòng, chống HIV/AIDS của trại viên Cơ sở giáo dục Hoàn Cát năm 2010. Đánh giá một số kết quả hoạt động về tổ chức mạng lưới, truyền thông, chăm sóc hỗ trợ bệnh nhân AIDS. **Phương pháp:** Nghiên cứu định lượng, định tính bằng bộ câu hỏi 215 trại viên, phỏng vấn sâu các cá nhân có liên quan và thu thập số liệu thứ cấp qua các văn bản, báo cáo. **Kết quả:** Nhận thức về phòng chống HIV/AIDS của các đối tượng trong cơ sở Giáo dục Hoàn Cát đã được nâng cao đáng kể: 100% đối tượng đều đã nghe nói về HIV/AIDS. Tỷ lệ hiểu đúng 3 đường lây nhiễm HIV chính là 79,5%. Tỷ lệ nêu được biện pháp dùng bao cao su để tự bảo vệ khỏi lây nhiễm HIV là 83,7%, tỷ lệ nêu được không quan hệ tình dục bừa bãi là 64,7%, không dùng chung bơm kim tiêm là 89,8%. Kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS là 39,5%. Dự án đã triển khai nhiều hoạt động phong phú và đồng bộ: Duy trì đội ngũ tuyên truyền viên, giáo dục viên đồng đẳng, các hoạt động tập huấn, truyền thông, giám sát được thực hiện theo đúng kế hoạch. Bệnh nhân AIDS được chăm sóc hỗ trợ và được điều trị bệnh bởi các cán bộ y tế của cơ sở Hoàn Cát.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, phòng chống HIV, đánh giá hiệu quả.

SUMMARY

Aim to study: Describe knowledge, attitude in HIV prevention and control in Hoan Cat Education Unit in 2010. Evaluate effectiveness of activities on HIV/AIDS organization networks, HIV/AIDS mass media, and HIV/AIDS Health Care. **Method:** Qualitative and quantitative research method on designed questionnaires in 215 individuals with deep interviews of investigators related to secondary reports. **Results:** The knowledge of HIV/AIDS prevention and control in interviewees in Hoan Cat Education Unit has been improved remarkably: 100% interviewees were reached HIV/AIDS prevention information. The proportion of individuals properly understanding three HIV- transmitted ways was 79.5%. The proportion of condom use in accordance with interviewee's awareness to protect themselves from HIV infection was 83.7%. The proportion of safe sex intercourse was reported 64.7%. The rate of none-shared injection needle was 89.8%. The overall awareness of HIV/AIDS prevention was 39.5%. The project had implemented abundant and uninformative works such as maintaining mass media and peer education, training courses, informative and supervision activities as planned. HIV/AIDS patients were taken care and cured by health staff of Hoan Cat Education Unit.

Keywords: Knowledge, attitude, HIV prevention and control, evaluate effectiveness.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ sở giáo dục Hoàn Cát đóng trên địa bàn xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, là nơi tập trung học tập, cải tạo bắt buộc đối với những người bị xử phạt vi phạm hành chính. Hiện Hoàn Cát có hơn 544 trại viên. Tỷ lệ trại viên có liên quan đến ma túy là 40%. Hiện có 45 người có HIV đang được quản lý [4]. Trong năm 2009 có 350 trại viên được Trung tâm PC HIV/AIDS tỉnh Quảng Trị xét nghiệm HIV, trong đó có 35 trường hợp dương tính [3] và thường có 5-6 bệnh nhân AIDS được chăm sóc và điều trị tại bệnh xá của CSGD Hoàn Cát [4]. Việc tổ chức thực hiện các hoạt động PC HIV/AIDS tại CSGD Hoàn Cát cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác PC HIV/AIDS tại Quảng Trị.

Từ năm 2003 Hoàn Cát tham gia dự án "Chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS trong trại giam" do NAV tài trợ. Kết thúc giai đoạn một của dự án (2003-2008), ngày 4 tháng 11 năm 2009, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Trị và NAV đã ký "Bản thỏa thuận dự án năm 2009" trong đó NAV hỗ trợ kinh phí để tiếp tục triển khai các hoạt động dự án tại Hoàn Cát trong năm 2009 [7].

Để giúp cho dự án triển khai tốt, để có các khuyến nghị phù hợp góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động PC HIV/AIDS cho các trại viên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Đánh giá kết quả Dự án chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV trong trại giam tại CSGD Hoàn Cát tỉnh Quảng Trị".

Kết quả từ nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin không chỉ cho tỉnh Quảng Trị mà còn giúp cho những nhà quản lý dự án có cơ sở để lập kế hoạch, cải thiện công tác quản lý, xem xét tính bền vững của dự án và thu hút dư luận xã hội quan tâm và ủng hộ các hoạt động PC HIV/AIDS trong các trại giam. Nhằm mục tiêu:

1. Mô tả kiến thức, thái độ trong phòng, chống HIV/AIDS của trại viên Cơ sở giáo dục Hoàn Cát.
2. Đánh giá một số kết quả hoạt động về tổ chức mạng lưới, truyền thông, chăm sóc bệnh nhân AIDS, công tác vận động tạo sự đồng thuận và ủng hộ của dự án tại Cơ sở giáo dục Hoàn Cát.

PHƯƠNG PHÁP

Thiết kế nghiên cứu giả thực nghiệm, đánh giá sau can thiệp. Kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và thu thập số liệu thứ cấp. Đối tượng nghiên cứu là: Trại viên đang tập trung tại Hoàn Cát, đại diện Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Trị, Đại diện ban quản lý Hoàn Cát, Cán bộ quản giáo Hoàn Cát là TTV, Cán bộ Y tế Hoàn Cát, Cán bộ quản lý chương trình của NAV.

Nghiên cứu số liệu thứ cấp: Thu thập số liệu từ các văn bản, báo cáo...

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3/2010 đến tháng 8/2010, tại Hoàn Cát, tỉnh Quảng Trị.

Cỡ mẫu cho nghiên cứu định lượng được tính theo công thức tính cỡ mẫu cho tỷ lệ: $n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$

n: là cỡ mẫu nghiên cứu của đối tượng trại viên
 α : Mức ý nghĩa thống kê; với $\alpha = 0,05$ thì hệ số giới hạn tin cậy; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$
 p: Tỷ lệ đối tượng có kiến thức, thái độ không đạt, chọn $p = 0,5$
 d: Sai số ước lượng, chọn $d = 0,07$

Từ công thức trên tính được số đối tượng nghiên cứu là 196. Cộng thêm 10% để loại trừ các phiếu không hợp lệ và làm tròn số. Cỡ mẫu nghiên cứu là 215 trại viên.

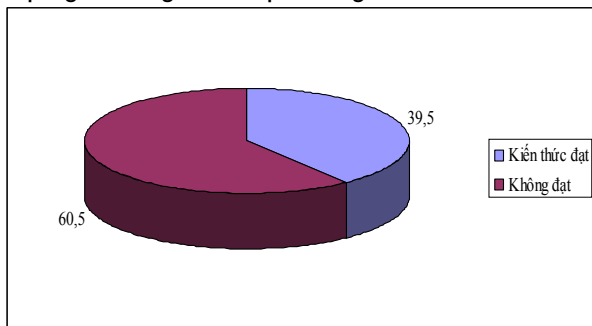
Chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên đơn [5], theo danh sách quản lý của Cơ sở giáo dục Hoàn Cát. Đánh giá việc thực hiện các hoạt động dự án: Bằng cách so sánh kết quả đạt được với kế hoạch đề ra, với kết quả đánh giá dự án năm 2008 và với số liệu các y văn khác.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phỏng vấn 215 đối tượng, 10 cuộc phỏng vấn sâu và 8 mẫu số liệu thứ cấp. Đặc điểm chung của đối tượng trại viên: Đa số là tuổi trẻ, độ tuổi từ 20-29 chiếm 65,6%; Tuổi dưới 30 chiếm đến 71,2%. Các trại viên đến từ nhiều tỉnh khác nhau. Trại viên không có việc làm ổn định là 55,8%. Nam giới (98,1%). Trình độ học vấn khá, đa số là trung học cơ sở (40,5%) và trung học phổ thông (45,3%), tuy nhiên vẫn còn đến 7% trại viên mù chữ. 63,7 là chưa lập gia đình.

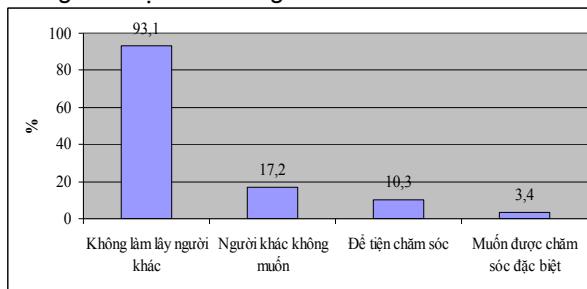
100% các trại viên đều đã nghe nói về HIV/AIDS, trong đó có 39,1% có biết về các đường lây truyền HIV. 87% số đối tượng trả lời rằng người ta có thể bị nhiễm HIV nếu quan hệ tình dục không dùng bao cao su đúng cách, 94,4% cho rằng nếu dùng chung bơm kim tiêm và có 91,6% cho rằng phụ nữ có thai có HIV có thể truyền HIV sang con mình. Tỷ lệ hiểu đúng 3 đường lây nhiễm HIV chính là 79,5%.

7% đối tượng cho rằng ăn chung và 14,9% cho rằng muỗi đốt có thể làm lây nhiễm HIV. Có đến 11,2% cho rằng nhìn bề ngoài có thể tìm được bạn tình không bị nhiễm HIV và có đến 38,1% không biết rằng một người trông khỏe mạnh cũng có thể đã nhiễm HIV.



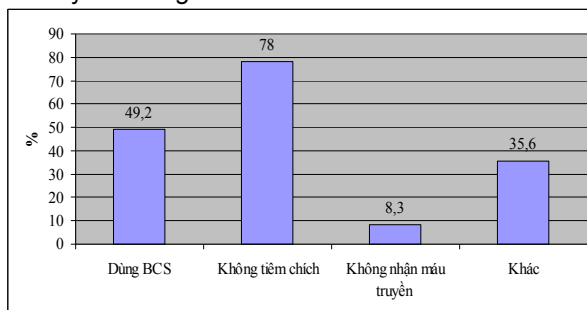
Biểu đồ 1: cho thấy tỷ lệ đối tượng có kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS là 39,5% (Trả lời đúng cả 5 câu hỏi)

Có 23,7% đối tượng sợ nếu phải ở chung phòng với người nhiễm HIV và có 16,7% sợ nếu phải dùng chung nhà vệ sinh với người nhiễm HIV.



Biểu đồ 2. Những lý do cần để người nhiễm HIV ở riêng phòng).

Biểu đồ 4 cho thấy vẫn còn có 13,5% đối tượng cho rằng cần phải để người nhiễm HIV ở riêng phòng và trong số đó có đến 93,1% đưa ra lý do là để không làm lây lan ra người khác.



Biểu đồ 3. Lý do không có nguy cơ nhiễm HIV (N=132)

Các hoạt động giao ban, hội họp giữa Ban quản lý dự án và các nhóm, hoạt động giám sát của NAV và của Trung tâm phòng chống AIDS tỉnh đều theo đúng kế hoạch đề ra.

BÀN LUẬN

Về kiến thức, thái độ của trại viên trong PC HIV/AIDS

Kiến thức của đối tượng

Toàn bộ 100% đối tượng đều đã nghe nói về HIV/AIDS, trong đó 39,1% có biết một người nào đó bị nhiễm HIV hay đã chết vì AIDS và 21,4% có người nhà hoặc bạn thân bị nhiễm HIV hay đã chết vì AIDS.

Có 87% số đối tượng trả lời rằng người ta có thể bị nhiễm HIV nếu quan hệ tình dục không an toàn. 94,4% cho rằng dùng chung bơm kim tiêm có thể bị nhiễm HIV. Có 91,6% cho rằng phụ nữ có thai có HIV có thể truyền HIV sang con mình, tỷ lệ này tương đương với tỷ lệ của tác giả Trần Thị Ngọc (90,5%), ($\chi^2=3,18; df=1; P>0,05$). Tỷ lệ hiểu đúng 3 đường lây nhiễm HIV chính của đối tượng là 79,5%, tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ của tác giả Trần Thị Ngọc (90,0%), $P<0,05$ [1].

Có 14,9% đối tượng cho rằng muỗi đốt có thể làm lây nhiễm HIV. Vẫn còn 7% đối tượng cho rằng ăn chung có thể làm lây nhiễm HIV. Tỷ lệ hiểu đúng các đường không lây truyền HIV ở đây chưa cao, đây là điều cần chú trọng trong truyền thông để tránh kỳ thị, phân biệt đối xử người nhiễm HIV vì thiếu hiểu biết.

Các ý kiến khác về HIV/AIDS: Có 11,2 % đối tượng cho rằng nhìn bề ngoài có thể tìm được bạn tình không bị nhiễm HIV và có đến 38,1% đối tượng không biết rằng một người trông khỏe mạnh cũng có thể đã nhiễm HIV. Đây cũng là một vấn đề cần chú trọng bởi vì các quan niệm sai lầm này sẽ dẫn đến các hành vi có nguy cơ lây nhiễm HIV.

Về nêu các biện pháp phòng lây nhiễm HIV: Tỷ lệ nêu được biện pháp dùng bao cao su để tự bảo vệ khỏi lây nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 83,7%. Tỷ lệ nêu được biện pháp không quan hệ tình dục bữa bãi để tự bảo vệ khỏi lây nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 64,7%, tỷ lệ này tương đương với báo cáo của AforD năm 2008 (60,1%), ($\chi^2 = 1,857$; $df = 1$; $P > 0,05$). Tỷ lệ nêu được biện pháp không dùng chung BKT để tự bảo vệ khỏi lây nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 89,8%, tỷ lệ này tương đương với báo cáo của AforD năm 2008 (91,5%), ($\chi^2 = 0,830$; $df = 1$; $P > 0,05$) [2].

Về tổng hợp kiến thức PC HIV/AIDS: Tỷ lệ đối tượng có kiến thức về phòng chống HIV/AIDS đạt (Trả lời đúng cả 5 câu hỏi liên quan đến lây nhiễm HIV và phản đối những quan niệm sai lầm phổ biến về lây nhiễm HIV) là 39,5%.

Thái độ của đối tượng về lây nhiễm HIV/AIDS

Tỷ lệ đối tượng sợ nếu phải ở chung phòng với người nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 23,7%. Tỷ lệ này cao hơn báo cáo của AforD năm 2008, (5,7%) ($\chi^2 = 129,89$; $df = 1$; $P < 0,01$). Tỷ lệ đối tượng sợ nếu phải dùng chung nhà vệ sinh với người nhiễm HIV trong nghiên cứu này là 16,7%. Tỷ lệ này cao hơn báo cáo của AforD năm 2008, (4,2%) ($\chi^2 = 84,08$; $df = 1$; $P < 0,01$) [2].

Về phân biệt đối xử với người nhiễm, vẫn còn 13,5% đối tượng cho rằng cần phải để người nhiễm HIV ở riêng phòng, tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Trần Thị Ngọc, trong đó có 4,0% cho rằng cần cách ly người nhiễm HIV, ($\chi^2 = 50,407$; $df = 1$; $P < 0,01$) [1]. Tỷ lệ này cao bởi vì có tới 23,7% đối tượng sợ ở chung cùng phòng và 16,7% đối tượng sợ nếu phải dùng chung nhà vệ sinh với người nhiễm HIV. Trong số đối tượng cho rằng cần phải để người nhiễm HIV ở riêng phòng, đó có đến 93,1% đưa ra lý do là để không làm lây lan ra người khác. Rõ ràng việc hiểu biết không đầy đủ các đường không lây truyền HIV đã có ảnh hưởng rất lớn.

Bàn luận về kết quả các hoạt động dự án Các hoạt động giao ban, hội họp giữa Ban quản lý dự án và các nhóm, hoạt động giám sát của NAV và của Trung tâm phòng chống AIDS tỉnh đều theo đúng kế hoạch đề ra. Trong năm 2009 có 6 lớp tập huấn được tổ chức cho các tuyên truyền viên, giáo dục viên đồng đẳng. Các hoạt động truyền thông cơ bản đã được thực hiện theo đúng kế hoạch. Có 200 trại viên được cán tập huấn về truyền thông về phòng chống HIV/AIDS và 400 trại viên được truyền thông về bình đẳng giới và sức khỏe sinh sản về kiến thức phòng chống HIV/AIDS, 1500 lượt trại viên được giáo dục viên đồng đẳng truyền thông trong buồng giam và 400 trại viên tham gia hội thi.

Có 2.000 tờ rơi và 20 tờ áp phích được cung cấp đầy đủ theo kế hoạch.

Trong 215 đối tượng được phỏng vấn, có 164 người đã làm xét nghiệm HIV. Trong 164 người đã làm xét nghiệm HIV có 130 người là tự nguyện, 34 người được yêu cầu và chỉ có 34 trên tổng số 164 người làm xét nghiệm HIV là biết kết quả xét nghiệm của mình.

Những nội dung mà đối tượng mong muốn được hỗ trợ khi gặp khó khăn cao nhất là hỗ trợ về tinh thần (90,2%), sau đó đến các nội dung khác có tỷ lệ tương đương nhau: Hướng dẫn về cách sống an toàn (46,5%), hướng dẫn vượt qua khó khăn (40,9%) và hỗ trợ về vật chất (35,8%). Nhu cầu của đối tượng khi bị nhiễm HIV cao nhất là không bị xa lánh (71,6%), sau đó đến các nội dung khác có tỷ lệ tương đương nhau: được chăm sóc và điều trị khi bị bệnh (59,1%), tư vấn cách tự chăm sóc (54,9%) và được điều trị bằng thuốc kháng vi rút (50,2%). Nhìn chung hoạt động của dự án là toàn diện. Các hoạt động đã được triển khai đầy đủ theo đúng kế hoạch. Vì thế mà tất cả đối tượng được truyền thông để nâng cao nhận thức về phòng chống HIV/AIDS. Tuy nhiên kiến thức chưa toàn diện. Lý giải cho điều này là do thời gian tập trung của trại viên ngắn, nên nhiều trại viên không tham gia được tất cả các hoạt động để nâng cao nhận thức.

KẾT LUẬN

1. Nhận thức về phòng chống HIV/AIDS của các đối tượng trong cơ sở Giáo dục Hoàn cát đã được nâng cao đáng kể:

- 100% đối tượng đều đã nghe nói về HIV/AIDS.
- Tỷ lệ hiểu đúng 3 đường lây nhiễm HIV chính là 79,5%. Có 87% số đối tượng biết rằng người ta có thể bị nhiễm HIV nếu quan hệ tình dục không an toàn. Có 94,4% cho rằng dùng chung bơm kim tiêm có thể bị nhiễm HIV. Có 91,6% cho rằng phụ nữ có thai có HIV có thể truyền HIV sang con mình.
- Tỷ lệ nêu được biện pháp dùng bao cao su để tự bảo vệ khỏi lây nhiễm HIV là 83,7%, tỷ lệ nêu được không quan hệ tình dục bữa bãi là 64,7%, không dùng chung bơm kim tiêm là 89,8%.
- Kiến thức chung về phòng chống HIV/AIDS là 39,5%: (Trả lời đúng cả 5 câu hỏi liên quan đến lây nhiễm HIV)

2. Dự án đã triển khai nhiều hoạt động phong phú và đồng bộ.

Duy trì đội ngũ tuyên truyền viên, giáo dục viên đồng đẳng, các hoạt động tập huấn, truyền thông, giám sát được thực hiện theo đúng kế hoạch.

Bệnh nhân AIDS được chăm sóc hỗ trợ và được điều trị bệnh bởi các cán bộ y tế của cơ sở Hoàn Cát. Các hoạt động vận động tạo sự đồng thuận được thực hiện đầy đủ

Việc triển khai các hoạt động dự án đã làm tăng nhận thức của các trại viên và góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ cơ sở Hoàn Cát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Ngọc (2004), "Khảo sát kiến thức, thái độ, lòng tin, thực hành về
2. Trung tâm hành động vì sự phát triển (AforD) (2008), *Báo cáo đánh giá dự án chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS trong trại giam*, tr. 19-65.

3. Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS Quảng Trị (2010), *Báo cáo kết quả xét nghiệm HIV tháng 12 năm 2009*.

4. Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS Quảng Trị (2010), *Báo cáo kết quả hoạt động dự án "Chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS" tại Cơ sở giáo dục Hoàn Cát năm 2009*.

5. Trường Đại học Y tế công cộng (2004), *Giới thiệu chọn mẫu trong điều tra*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr. 15.

6. NAV (2003), *Project Document for HIV and DISA prevention and care in prison in Quang Tri Province 2003-2008*.

7. Quang Tri AIDS prevention center & NAV (2009), *Project agreement annual support year 2009. HIV/AIDS prevention program for prisoners in Hoan Cat Reeducation center*.